

Số: /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố về việc phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường số 4569/QĐ-BNNMT ngày 31/10/2025; số 1193/QĐ-BNNMT ngày 06/4/2026 về việc công bố TTHC nội bộ mới ban hành; thủ tục hành chính nội bộ thay thế giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND Thành phố về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội tại Công văn số /SNNMT-VP ngày /5/2026.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục, quy trình nội bộ 04 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể:

Công bố mới 01 TTHC nội bộ cấp tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, UBND cấp xã;

Thay thế và công bố lại 03 TTHC nội bộ cấp xã.

*(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tục hành chính nội bộ được công bố tại số thứ tự 1, 2 và 3 Phần A; số thứ tự 1 phần B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội hết hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công, các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
  - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
  - Cục KSTTHC-Bộ Tư pháp;
  - Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
  - Chủ tịch UBND Thành phố;
  - Các PCT UBND Thành phố;
  - Cổng Thông tin điện tử Thành phố;
  - TTPVHCC: GD, PGD, các phòng, đơn vị, chi nhánh/Điểm hỗ trợ DVC số;
  - Lưu: VT, KSTTHC.
- } (để báo cáo)

**GIÁM ĐỐC**

**Phan Văn Phúc**

**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THAY THỂ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CHUNG CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ UBND CẤP XÃ</b>				
1	Lấy ý kiến để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi	- Điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; - Điều 16 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.	Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội. - UBND cấp xã.
<b>B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ</b>				
1	Xây dựng, ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 2 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP	- Điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường. - Khoản 2, Điều 1, Luật số 146/2025/QH15. - Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Điều 2 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP. - Số thứ tự 01 phụ lục kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố	Môi trường	UBND cấp xã

2	<p>Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 15, 16, 17, 18 và 19 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;</li> <li>- Điều 12, 14, 15, 16, 17 Nghị định số 08/2022-NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</li> <li>- Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Số thứ tự số 1 Phụ lục kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố</li> </ul>	Môi trường	UBND cấp xã
3	<p>Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn xã</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;</li> <li>- Khoản 2 và khoản 3 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Số thứ tự số 2 Phụ lục kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố.</li> </ul>	Môi trường	UBND cấp xã

## PHỤ LỤC 2

**NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày tháng năm 2026  
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CHUNG CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ UBND CẤP XÃ**

**1. Trình tự, thủ tục: Lấy ý kiến để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi**

#### **1.1. Trình tự thực hiện:**

##### **Bước 1: Lấy ý kiến của cơ quan quản lý công trình thủy lợi**

- Trường hợp công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Trong quá trình xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và thuộc trường hợp phải lấy ý kiến, Cơ quan thẩm định (Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội và UBND cấp xã theo thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính) gửi Văn bản lấy ý kiến Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Trường hợp công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của Thành phố: Trong quá trình xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và thuộc trường hợp phải lấy ý kiến, Cơ quan thẩm định (Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội và UBND cấp xã theo thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính) gửi Văn bản lấy ý kiến Cơ quan/đơn vị thực hiện chức năng tham mưu công tác quản lý nhà nước về thủy lợi cấp tỉnh (Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai - Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội nêu công trình thủy lợi do Thành phố quản lý hoặc UBND cấp xã theo phân cấp)

*(Trường hợp Cơ quan thẩm định và Cơ quan quản lý công trình thủy lợi cùng cấp thì các Phòng chuyên môn được giao sẽ phối hợp trong việc lấy ý kiến và trả lời văn bản nội bộ của các Cơ quan đó)*

*(Văn bản lấy ý kiến theo quy định tại Mẫu số 04b ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT).*

##### **Bước 2: Trả lời của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi**

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan thẩm định, Cơ quan quản lý nhà nước về công trình thủy lợi cấp tỉnh hoặc UBND cấp xã (nếu được phân cấp) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc đồng thuận hoặc không đồng thuận đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi của dự án đầu tư; trường hợp hết thời hạn lấy ý kiến mà không có văn bản trả lời thì được coi là đồng thuận.

*(Văn bản trả lời theo Mẫu số 04c ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**1.2. Cách thức thực hiện:** Xin ý kiến bằng văn bản.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Văn bản lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi theo Mẫu số 04b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội và UBND cấp xã theo thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính).

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền, trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trong trường hợp công trình thủy lợi thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Hoặc

Cơ quan/đơn vị thực hiện chức năng tham mưu công tác quản lý nhà nước về thủy lợi cấp tỉnh (Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai - Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội nếu công trình thủy lợi do Thành phố quản lý hoặc UBND cấp xã theo phân cấp)

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản cho ý kiến về việc đồng thuận hoặc không đồng thuận đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi của dự án đầu tư số 04c Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

**1.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu số 04b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Trong quá trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM đối các dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi và thuộc trường hợp phải lấy ý kiến bằng văn bản.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Điều 16 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT

**Mẫu số 04b. Văn bản lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi**  
(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT)

(1)  
-----  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: ... (Địa danh), ngày ... tháng ... năm .....

V/v lấy ý kiến xả nước thải vào công trình thủy lợi để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Dự án (2)

Kính gửi: (3)

Thực hiện quy định về việc lấy ý kiến xả nước thải vào công trình thủy lợi để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, (1) gửi đến (3) thông tin về việc xả nước thải vào công trình thủy lợi của dự án (2), cụ thể như sau:

1. Công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải:.....
2. Vị trí xả nước thải:.....
3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:..... m<sup>3</sup>/ngày đêm.
4. Quy chuẩn áp dụng:.....

Đề nghị quý Cơ quan có ý kiến bằng văn bản và gửi về (1) (nêu chi tiết địa chỉ liên hệ) trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này. Trường hợp hết thời hạn lấy ý kiến mà không có văn bản trả lời thì được coi là đồng thuận.

Trân trọng cảm ơn./.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI  
KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

**Họ và tên**

**Ghi chú:**

- (1) Cơ quan thẩm định, người có thẩm quyền thẩm định;
- (2) Tên dự án;
- (3) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi.

**Mẫu số 04c.** Văn bản trả lời của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường  
(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT)

(1)

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm .....

V/v lấy ý kiến xả nước thải vào công trình thủy lợi để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Dự án (2)

Kính gửi: (3)

(2) Nhận được Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (3) về việc lấy ý kiến về việc xả nước thải vào công trình thủy lợi để phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (2). Sau khi xem xét, (1) có ý kiến về các nội dung cụ thể như sau:

1. Công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải:.....
2. Vị trí xả nước thải:.....
3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:..... m<sup>3</sup>/ngày đêm.
4. Quy chuẩn áp dụng:.....

Kết luận: đồng thuận về việc xả nước thải vào công trình thủy lợi; trường hợp không đồng thuận, (1) nêu rõ lý do và đề xuất hướng xử lý.

Trên đây là ý kiến của (1), kính gửi (3) để xem xét, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ  
CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,  
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

**Họ và tên****Ghi chú:**

- (1) Cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi;
- (2) Tên dự án;
- (3) Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

## **B. THỬ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP XÃ**

**1. Xây dựng, ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 2 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP (01.X).**

### ***1.1. Trình tự thực hiện:***

- **Bước 1:** Lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng Kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng (viết tắt là Kế hoạch).

UBND cấp xã (cơ quan được UBND Thành phố phân cấp theo số thứ tự 01 phụ lục kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố) chủ trì lập Kế hoạch tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng Kế hoạch.

- **Bước 2:** Lập Kế hoạch.

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì lập Kế hoạch phối hợp với đơn vị tư vấn lập Kế hoạch.

- **Bước 3:** Xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì lập Kế hoạch có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố với dự thảo Kế hoạch.

Sau khi nhận được các ý kiến góp ý, Ủy ban nhân dân cấp xã lập Kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

- **Bước 4:** Tổ chức họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch. Sau khi họp Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã lập Kế hoạch có trách nhiệm hoàn thiện Kế hoạch theo ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

- **Bước 5:** Trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Kế hoạch.

- **Bước 6:** Công bố Kế hoạch.

Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức công bố Kế hoạch sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

### ***1.2. Cách thức thực hiện:*** Không quy định

### ***1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Tờ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Dự thảo Kế hoạch.

- Báo cáo tóm tắt Kế hoạch.

- Báo cáo tổng hợp Kế hoạch.

- Bản đồ các điểm ô nhiễm, khu vực ô nhiễm (nếu có).

- Bản tổng hợp ý kiến; tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý.

Số lượng hồ sơ: bản điện tử và 01 bản giấy.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp chủ trì xây dựng Kế hoạch.

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp chủ trì xây dựng Kế hoạch.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Kế hoạch.

**1.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không quy định.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường.

- Khoản 2, Điều 1, Luật số 146/2025/QH15.

- Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Điều 36, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.

- Điều 2 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Số thứ tự 01 phụ lục kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố.

**2. Trình tự, thủ tục: Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn (02.X)**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho UBND cấp xã (Số thứ tự 01 phụ lục kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026) tổ chức điều tra, đánh giá sơ bộ đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 08/2022-NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; điều tra đánh giá chi tiết khu vực ô nhiễm môi trường đất.

**Bước 2:** UBND cấp xã giao Phòng chuyên môn điều tra, đánh giá sơ bộ chất lượng môi trường đất. Nội dung điều tra, đánh giá sơ bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 08/2022-NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Xây dựng Báo cáo điều tra đánh giá sơ bộ chất lượng môi trường đất theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

**Bước 3:** UBND cấp xã giao Phòng chuyên môn tiến hành điều tra đánh giá chi tiết khu vực ô nhiễm môi trường đất. Nội dung điều tra, đánh giá chi tiết theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 08/2022-NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Xây dựng Báo cáo điều tra đánh giá chi tiết khu vực ô nhiễm môi trường đất theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

**Bước 4:** Trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá sơ bộ và điều tra đánh giá chi tiết khu vực ô nhiễm môi trường đất. Phòng chuyên môn của UBND cấp xã Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn (sau đây gọi tắt là Phương án).

Nội dung chính của Phương án theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 08/2022-NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cấu trúc và nội dung Phương án theo quy định tại *Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường*

**Bước 5:** UBND cấp xã xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị; Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

- UBND cấp xã gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị đối với Dự thảo Phương án.

- Sau khi nhận được các ý kiến góp ý, Phòng chuyên môn của UBND cấp xã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị hoàn thiện Dự thảo Phương án, báo cáo UBND cấp xã để thẩm định.

- UBND cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định Phương án.

**Bước 6:** Tổ chức họp Hội đồng thẩm định.

- UBND cấp xã tổ chức họp Hội đồng thẩm định và thông báo kết quả thẩm định.
- Phòng chuyên môn của UBND cấp xã hoàn thiện dự thảo Phương án theo ý kết luận của Chủ tịch Hội đồng, dự thảo Quyết định phê duyệt Phương án kèm theo tổng hợp giải trình ý kiến của thành viên Hội Đồng.

**Bước 10:** Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt Phương án

**1.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:**

(1) Hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị đối với Dự thảo Phương án, gồm:

- Văn bản đề nghị góp ý;
- Dự thảo Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất

(2) Hồ sơ trình UBND UBND cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định Phương án, gồm:

- Báo cáo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định của Phòng chuyên môn gửi UBND cấp xã
- Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định
- Dự thảo Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất đã được hoàn thiện theo ý kiến của các cơ quan, đơn vị.

(3) Hồ sơ trình UBND cấp xã phê duyệt Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất gồm:

- Báo cáo của Phòng chuyên môn về việc phê duyệt Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất
- Dự thảo Quyết định phê duyệt Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất
- Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất đã được hoàn thiện theo ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định
- Văn bản tổng hợp ý kiến của Hội đồng thẩm định.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:**

UBND cấp xã (Cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp xây dựng Phương án)

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp chủ trì xây dựng Phương án.
- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân

Thành phố.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:**

Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn được UBND Thành phố phê duyệt

**1.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** Không quy định

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:**

- Điều 15, 16, 17, 18 và 19 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Điều 12, 14, 15, 16, 17 Nghị định số 08/2022-NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Số thứ tự số 1 Phụ lục kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố.

**Mẫu số 02. Nội dung báo cáo điều tra, đánh giá sơ bộ chất lượng môi trường đất**

*(Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**1. Giới thiệu chung**

- Lý do và mục đích thực hiện đánh giá sơ bộ;
- Phương pháp tiến hành, tiến độ và hiện trạng thực hiện đánh giá sơ bộ khu vực.

**2. Kết quả, điều tra, đánh giá:**

**2.1. Kết quả rà soát các tài liệu liên quan**

a) Kết quả thống kê, tổng hợp thông tin từ các nguồn (Chủ sở hữu, người sử dụng khu vực trong quá khứ và hiện tại; internet, báo chí và các phương tiện truyền thông khác; các văn bản lưu trữ; các báo cáo liên quan tới khu vực; thời gian hoạt động).

b) Kết quả các thông tin thu thập

- Thông tin chung:

+ Kết quả thu thập thông tin về vị trí khu vực như: địa chỉ; vị trí địa lý; độ cao so với mực nước biển; ranh giới...; thông tin về điều kiện địa hình, địa chất và thủy văn; thông tin về điều kiện khí hậu; thông tin liên quan đến hiện trạng sử dụng đất tại khu vực; thông tin liên quan tới lịch sử sử dụng khu vực;

+ Kết quả đánh giá sơ bộ về những vị trí có khả năng là nguồn ô nhiễm (vị trí từng đổ thải, lưu chứa, chôn chôn chất gây ô nhiễm, v.v...).

**2.2. Kết quả khảo sát sơ bộ hiện trường:**

a) Kết quả phỏng vấn các bên liên quan đến khu vực (*thông tin về khu vực và kiểm chứng kết quả rà soát tài liệu theo từng đối tượng phỏng vấn (nếu có): chủ sở hữu, quản lý khu vực; người đã từng làm việc tại khu vực; người dân sống xung quanh; những người nghiên cứu lâu năm về khu vực*).

b) Kết quả khảo sát nhanh tại hiện trường khu vực:

*(- Kết quả xác định sơ bộ các nguồn có khả năng gây ô nhiễm; các đường lan truyền ô nhiễm: không khí, nước chảy tràn trên bề mặt, nước mặt, nước ngầm, tiếp xúc vật lý với chất gây ô nhiễm và tích lũy trong hệ sinh thái, trong chuỗi thức ăn và con người; đối tượng bị tác động: con người, động vật (gia súc, gia cầm), cá và các loài thủy sinh, thực vật - hệ sinh thái.*

*- Kết quả xác định vị trí lấy mẫu phân tích sơ bộ; kết quả phân tích mẫu đại diện tại tối thiểu 03 vị trí khác nhau, mỗi vị trí tối thiểu 02 mẫu; kết quả phân tích mẫu nước mặt, nước ngầm (nếu có) kèm theo bản đồ thể hiện kết quả, vị trí mẫu. Việc lấy mẫu, phân tích mẫu thực hiện theo quy định hiện hành).*

c) Hình ảnh về khu vực.

d) Minh họa thông tin liên quan đã điều tra được vào sơ đồ khu vực.

### **2.3. Kết quả phân tích để xác định chất gây ô nhiễm, nguồn ô nhiễm và sơ bộ đánh giá mức độ ô nhiễm**

- Kết quả phân tích, xác định chất gây ô nhiễm, nguồn ô nhiễm và sơ bộ đánh giá mức độ ô nhiễm;

- Sơ đồ khu vực: thể hiện được vị trí các nguồn gây ô nhiễm, đường lan truyền ô nhiễm và đối tượng bị tác động.

### **3. Kết luận và Kiến nghị**

- Xác định sơ bộ khu vực đất bị ô nhiễm để kiến nghị điều tra chi tiết (nếu có);

- Xác định sơ bộ khu vực đất có nguy cơ ô nhiễm để theo dõi, giám sát.

### **4. Tài liệu tham khảo**

#### **5. Các phụ lục**

- Phụ lục 1. Bản đồ khu vực;

- Phụ lục 2: sơ đồ vị trí lấy mẫu phân tích tại hiện trường;

- Phụ lục 3. Báo cáo hình ảnh;

- Câu hỏi phỏng vấn;

- Danh sách người được phỏng vấn;

- Các tài liệu khác có liên quan.

### **Mẫu số 03. Nội dung báo cáo điều tra, đánh giá chi tiết khu vực ô nhiễm môi trường đất**

*(Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**1. Thông tin chung:** Thông tin cơ bản về địa điểm (*vị trí địa lý, chủ sở hữu, loại hình sử dụng đất và nước, các thông tin cơ bản về thổ nhưỡng, địa hình, địa chất, thủy văn và khí hậu v.v...*).

**2. Kế hoạch điều tra, đánh giá** (*bao gồm cụ thể các hoạt động dự kiến để thu thập các thông tin bổ sung và điều tra, khảo sát thực địa tại hiện trường*).

#### **3. Kết quả điều tra, đánh giá thực địa tại hiện trường:**

- Báo cáo các công việc đã thực hiện tại hiện trường;

- Kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng ô nhiễm tại khu vực: Vị trí, kích thước, nồng độ các chất ô nhiễm của các nguồn và đường lan truyền ô nhiễm; các đối tượng bị tác động, bao gồm cả mức độ và tần suất tác động;

- Báo cáo kết quả phân tích mẫu: Khoanh vùng các vị trí lấy mẫu và vẽ các điểm lấy mẫu lên bản đồ của khu vực (*Việc lấy mẫu theo lưới 2m x 2m hoặc 3m x 3m tùy vào phạm vi ô nhiễm để xác định diện tích khu vực ô nhiễm*); *Kết quả phân tích mẫu thể hiện theo các mẫu đơn 0,5m (0,5m, 1m, 1,5m, 2m, 2,5m...) dọc theo*

*chiều sâu đến khi nồng độ các chất ô nhiễm không vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng đất để xác định độ sâu tối đa của khu vực ô nhiễm. Việc lấy mẫu, phân tích mẫu thực hiện theo quy định hiện hành).*

- Lập bản đồ khu vực bị ô nhiễm (*Bản đồ có ít nhất một mặt cắt khu vực để minh họa theo chiều sâu các đối tượng chính có trong khu vực, các nguồn và đường lan truyền ô nhiễm; Mô tả chính xác trong bản đồ và mặt cắt tất cả các nguồn ô nhiễm, đường lan truyền bao gồm kích thước, mức độ và loại chất ô nhiễm và đối tượng bị tác động (con người, động thực vật, hệ sinh thái) đã được xác định qua quá trình điều tra, khảo sát; khoanh định các khu vực đất có mức độ ô nhiễm khác nhau).*

#### **4. Kết luận và kiến nghị**

- Kết quả phân loại các khu vực đất bị ô nhiễm, ô nhiễm nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng;

- Đề xuất biện pháp xử lý để kiến nghị xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất.

#### **5. Phụ lục**

Bao gồm ít nhất các tài liệu sau:

- Bản đồ vị trí khu vực ô nhiễm và/hoặc ảnh vệ tinh của khu vực;
- Sơ đồ lấy mẫu;
- Kết quả phân tích;
- Kết quả khảo sát các yếu tố môi trường (ví dụ: phẫu diện các lỗ khoan lấy mẫu đất, các giếng quan trắc nước dưới đất v.v...);
- Báo cáo hình ảnh;
- Các tài liệu kỹ thuật liên quan khác.

## **Mẫu số 05. Cấu trúc và nội dung Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất**

*(Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

### **CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1. Căn cứ thực hiện:**

Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật môi trường làm căn cứ để thực hiện dự án.

#### **2. Thông tin chung:**

**2.1. Giới thiệu về phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường** (Nêu tên phương án, địa điểm thực hiện...)

#### **2.2. Giới thiệu về các bên liên quan chính:**

Các bên liên quan chính bao gồm: chủ đầu tư, cơ quan chủ quản, đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, cơ quan tư vấn, đơn vị hưởng lợi v.v... Đối với mỗi bên liên quan, cần trình bày những thông tin về tên, người đại diện/liên hệ chính, địa chỉ, số điện thoại, email.

### **CHƯƠNG II. HIỆN TRẠNG KHU VỰC BỊ Ô NHIỄM**

Chương này trình bày những kết quả điều tra, đánh giá về phạm vi và mức độ ô nhiễm của khu vực. Các báo cáo điều tra, đánh giá sơ bộ và chi tiết về khu vực đã thực hiện cần được đính kèm. Những thông tin chính cần được nêu tại chương này bao gồm:

#### **1. Thông tin nền về địa phương**

Liệt kê những thông tin cơ bản về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của địa phương bao gồm:

##### **1.1. Điều kiện tự nhiên**

Nêu tóm tắt các nội dung sau: các đặc điểm địa hình, địa chất và thủy văn; thông tin về tính chất đất tại khu vực ô nhiễm (tính chất lý, hóa, các đặc trưng, hình thái và phẫu diện các loại đất chính của địa phương); các đặc điểm về khí hậu/thời tiết; các đặc điểm về thủy văn của địa phương, trong đó đặc biệt là những thông tin về tầng nước ngầm và các đặc trưng dòng chảy bề mặt chính.

##### **1.2. Điều kiện kinh tế xã hội**

Nêu tóm tắt các nội dung sau: dân số địa phương, đặc biệt là số hộ dân và số người sống xung quanh khu vực ô nhiễm; hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất của địa phương, các điều kiện sinh hoạt, vệ sinh nói chung và sức khỏe của nhân dân, có đề cập đến những ảnh hưởng đến sức khỏe do khu vực bị ô nhiễm gây ra;

#### **2. Thông tin về khu vực bị ô nhiễm**

**2.1. Vị trí khu vực:** Địa chỉ, vị trí địa lý, tọa độ địa lý, độ cao so với mực nước biển, ranh giới của khu vực bị ô nhiễm, chủ sở hữu hiện tại và người liên hệ chính.

**2.2. Lịch sử hoạt động khu vực:** Thời gian bắt đầu hoạt động, thời gian đóng cửa; Các hoạt động tại khu vực; Những vấn đề/y kiến phản nàn hoặc khiếu nại được ghi nhận liên quan đến hoạt động của khu vực.

### **2.3. Nguyên nhân ô nhiễm**

**2.4. Hiện trạng sử dụng đất tại khu vực:** Nêu rõ hiện trạng sử dụng đất của khu vực và vùng xung quanh khu vực; Quy hoạch sử dụng đất của khu vực và vùng xung quanh khu vực theo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

**2.5. Bản đồ và ảnh:** Bản đồ phác thảo của khu vực; hình ảnh (tổng hợp hình ảnh toàn cảnh, ảnh thể hiện ranh giới khu vực, ảnh của các đối tượng ô nhiễm chính,...).

## **3. Phạm vi và mức độ ô nhiễm**

### **3.1. Các đợt điều tra, khảo sát đã thực hiện:**

Liệt kê các đợt khảo sát đã thực hiện, trình bày trong bảng sau:

- a) Kết quả điều tra, đánh giá sơ bộ;
- b) Kết quả điều tra, đánh giá chi tiết;
- c) Khảo sát, đánh giá bổ sung nhằm khoanh vùng chính xác khu vực ô nhiễm có mức độ rủi ro cao.

**3.2. Kết quả khoanh vùng phạm vi ô nhiễm:** Cần nêu được các nguồn ô nhiễm có trong khu vực; phạm vi của khu vực bị ô nhiễm và phạm vi của các nguồn ô nhiễm có trong khu vực (phạm vi cần được thể hiện cả về diện tích lẫn chiều sâu).

### **3.3. Kết quả quan trắc và phân tích môi trường**

Nêu rõ thuyết minh phương pháp luận lấy mẫu gồm: sơ đồ và vị trí lấy mẫu, phương pháp lấy mẫu, thời gian lấy mẫu, số lần lấy mẫu, loại mẫu, độ sâu lấy mẫu, chỉ tiêu phân tích. Trong phần này, phải kèm theo các hình vẽ, sơ đồ về vị trí lấy mẫu.

Diễn giải các kết quả phân tích (đất, trầm tích đáy, nước mặt và nước ngầm). Có thể diễn giải theo bảng biểu, so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.

### **3.4. Bản đồ khu vực bị ô nhiễm**

Bản đồ khu vực bị ô nhiễm mô tả đầy đủ hiện trạng ô nhiễm của khu vực, trong đó mô tả chi tiết các nguồn gây ô nhiễm tồn lưu, đường lan truyền ô nhiễm và đối tượng bị tác động. Bản đồ khu vực bị ô nhiễm trước hết là sơ đồ mặt bằng khu vực và sơ đồ lát cắt dọc địa hình.

**3.5. Kết quả đánh giá mức độ rủi ro của khu vực bị ô nhiễm:** mô tả được

việc áp dụng phương pháp đánh giá mức độ rủi ro của khu vực bị ô nhiễm.

**3.6. Đánh giá tác động của khu vực bị ô nhiễm dựa trên 3 yếu tố:** ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái và khả năng lan truyền ô nhiễm.

### CHƯƠNG III. LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ

#### 1. Các biện pháp kỹ thuật

Đối với từng đối tượng tồn tại trong khu vực bị ô nhiễm, đưa ra các biện pháp kỹ thuật để cải tạo và phục hồi môi trường khác nhau. Các biện pháp kỹ thuật có thể được chia ra thành các giai đoạn như sau:

a) Các biện pháp bảo vệ đối tượng bị tác động trước khi xử lý:

- Thông báo cho các đối tượng bị tác động, các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng về tình trạng của khu vực;

- Ngăn ngừa tiếp xúc với chất ô nhiễm bằng cách lập rào chắn cách ly khu vực và niêm phong và đóng cửa khu nhà bị ô nhiễm;

- Hạn chế hoặc cấm sử dụng đất và nước ngầm, hoặc di dời tạm thời các đối tượng bị tác động ra khỏi khu vực ô nhiễm;

- Di dời các đối tượng bị tác động ra khỏi khu vực ô nhiễm.

b) Các biện pháp xử lý nguồn ô nhiễm và ngăn chặn lan truyền:

- Xử lý tại chỗ hoặc bốc xúc, vận chuyển đi xử lý các nguồn ô nhiễm;

- Bao vây, cô lập lâu dài các nguồn ô nhiễm và các khu vực ô nhiễm xung quanh;

- Bơm và xử lý nước ngầm (nếu có);

- Tiến hành các biện pháp cách ly các khu vực đất/trầm tích đáy bị ô nhiễm còn lại, hoặc triển khai các biện pháp xử lý/cải tạo các khu vực này;

- Thiết lập các màng ngăn thẩm thấu để ngăn ngừa chất ô nhiễm lan truyền thông qua nước ngầm.

c) Các biện pháp kiểm soát khu vực bị ô nhiễm sau khi xử lý:

- Thông báo công khai, cảnh báo và duy trì cảnh báo khu vực bị ô nhiễm.

- Khoanh vùng, cô lập, cách ly nhằm ngăn ngừa các tác động của khu vực bị ô nhiễm và chất gây ô nhiễm lan truyền ra môi trường xung quanh;

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân liên quan, cộng đồng sống xung quanh khu vực bị ô nhiễm để chủ động phòng tránh các tác động do ô nhiễm môi trường gây ra;

- Theo dõi, quan trắc định kỳ chất lượng môi trường xung quanh và công bố thông tin.

#### 2. Bảng so sánh các biện pháp kỹ thuật

Lập bảng so sánh các biện pháp kỹ thuật để xây dựng, lựa chọn phương án tối ưu cho việc cải tạo và phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm. Việc xác định

các biện pháp kỹ thuật có thể dựa vào các tiêu chí sau:

- a) Mức độ giảm thiểu rủi ro mà biện pháp kỹ thuật có thể đạt được;
- b) Mức độ tin cậy của công nghệ và/hoặc biện pháp đề xuất (những tác động gây ra cho đất, nước ngầm và không khí trong và sau khi thực hiện phương án; hiệu suất xử lý v.v...);
- c) Chi phí thực hiện biện pháp kỹ thuật;
- d) Thời gian thực hiện;
- đ) Tính khả thi về mặt kỹ thuật, và tính khả thi của công nghệ xử lý được đề xuất khi triển khai;
- e) Các tác động khác của biện pháp nếu được thực hiện.

Trên cơ sở các phân tích các tiêu chí nêu trên, lựa chọn các biện pháp kỹ thuật tối ưu của từng mức độ ưu tiên xử lý khu vực bị ô nhiễm để tổng hợp, lựa chọn phương án xử lý ô nhiễm tối ưu nhất (có thể lựa chọn một hay kết hợp nhiều biện pháp tùy thuộc đối tượng bị tác động và mức độ ô nhiễm).

## **CHƯƠNG IV. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ ĐƯỢC LỰA CHỌN**

### **1. Nội dung và kế hoạch xử lý:**

#### **1.1. Nội dung**

Phần này sẽ tập trung nêu chi tiết các hạng mục công việc sẽ thực hiện, với các khối lượng công việc được định lượng một cách cụ thể và chi tiết, về cơ bản, phần nội dung sẽ phụ thuộc vào từng dự án cụ thể, tuy nhiên có thể tóm tắt tổng quát như sau:

- a) Ngăn ngừa, xử lý hoặc loại bỏ các nguồn ô nhiễm;
- b) Ngăn chặn các đường lan truyền ô nhiễm;
- c) Bảo vệ các đối tượng bị tác động.

#### **1.2. Kế hoạch xử lý**

Đối với từng hạng mục công trình hoặc các biện pháp để cải tạo và phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm, lập kế hoạch xử lý bao gồm các nội dung sau:

- Thời gian, tiến độ thực hiện các hạng mục công trình hoặc các biện pháp kỹ thuật;
- Liệt kê khối lượng công việc cần phải làm cho từng hạng mục công trình, hoặc các biện pháp kỹ thuật;
- Liệt kê các thiết bị và nhân công để thực hiện;
- Phân công đơn vị, nhân sự để quản lý, giám sát triển khai từng hạng mục công trình.

### **2. Các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường**

Xác định những tác động tiêu cực đến môi trường gây ra trong suốt quá trình thực hiện phương án từ giai đoạn giải phóng mặt bằng đến giai đoạn giám sát, quản lý sau xử lý (nêu những tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước,...).

Các biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện phương án (nêu những biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước,...).

## **CHƯƠNG V. GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT TRONG VÀ SAU XỬ LÝ**

### **1. Giám sát trong quá trình xử lý**

Nêu kế hoạch và cách thức giám sát chất lượng kỹ thuật của công tác xử lý, cải tạo phục hồi môi trường trong quá trình thực hiện phương án.

Căn cứ vào từng nội dung dự án cụ thể xác định các tác động môi trường, xác định các rủi ro an toàn lao động và đề xuất các biện pháp giảm thiểu.

Đảm bảo phần kinh phí lấy mẫu độc lập để đánh giá giám sát trong quá trình xử lý.

### **2. Kiểm soát sau xử lý**

Trong trường hợp chưa thể loại bỏ hết những tác động đến sức khỏe và môi trường do tác động của các chất gây ô nhiễm tồn lưu; những công trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đã xây dựng cần quản lý và duy trì để đảm bảo các rủi ro được kiểm soát. Các nội dung cụ thể bao gồm:

- a) Duy trì cảnh báo khu vực bị ô nhiễm;
- b) Truyền thông, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân liên quan, cộng đồng sống xung quanh khu vực bị ô nhiễm;
- c) Duy tu, bảo dưỡng các công trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường;
- d) Theo dõi, quan trắc định kỳ chất lượng môi trường tại khu vực bị ô nhiễm và môi trường xung quanh; công bố thông tin về chất lượng môi trường.

## **PHỤ LỤC**

Hình ảnh về khu vực bị ô nhiễm: Cần đưa ra đầy đủ hình ảnh, bản đồ và sơ đồ chi tiết về khu vực bị ô nhiễm bao gồm nguồn ô nhiễm tồn lưu, các đối tượng bị tác động và môi trường xung quanh.

### **3. Thủ tục: Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn xã (03.X)**

#### **1.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng chuyên môn (PCM) xây dựng Phương án bảo vệ môi trường làng nghề, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, kế hoạch di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung của phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**Bước 2:** Phòng chuyên môn gửi Ủy ban nhân dân cấp xã Hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường để thẩm định.

**Bước 3:** Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định Phương án bảo vệ môi trường làng nghề.

**Bước 4:** Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề.

#### **1.2. Cách thức thực hiện:** Không quy định

#### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:**

- 01 văn bản đề nghị phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề của Phòng chuyên môn gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

- 01 quyển Phương án bảo vệ môi trường làng nghề.

- Quyết định thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề (nếu có).

#### **1.4. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

#### **1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:**

Phòng chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

#### **1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính nội bộ:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (trong trường hợp cần thiết trong quá trình thẩm định).

#### **1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:**

Quyết định phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã.

#### **1.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.

#### **1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

#### **1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính nội bộ:** Không quy định.

#### **1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính nội bộ:**

- Điều a khoản 4 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

- Khoản 2 và khoản 3 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Khoản 3 Điều 25 Nghị định 131/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Số thứ tự số 2 Phụ lục kèm theo Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND Thành phố.